

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MUỐI TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Sinh Cúc*

Với hơn 3200 km bờ biển, khí hậu nhiệt đới và số giờ nắng trong năm bình quân trên 2300 giờ (2007), Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn về sản xuất muối. Ngành muối đã có trên 50 năm phát triển và trưởng thành, sản lượng muối sản xuất đã nhiều năm trước đây có dư thừa để xuất khẩu, nhưng năm 2008 Việt Nam lại thiếu muối nghiêm trọng, giá muối tăng gấp 3 lần 2007. Hiện nay, các Bộ ngành liên quan và Tổng Công ty muối Việt Nam đã kiến nghị Chính phủ cho nhập khẩu khoảng nửa triệu tấn cả muối công nghiệp và muối ăn. Việc nhập khẩu muối ăn chưa từng xảy ra đối với nước ta suốt 50 năm qua là một nghịch lý, cần được nghiên cứu làm rõ để tìm giải pháp.

1. Tiềm năng và vai trò quan trọng của muối

Nước ta có bờ biển dài hơn 3200 km, chạy dọc từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến tận Hà Tiên, (Kiên Giang). Thời tiết, khí hậu vùng ven biển rất thuận lợi cho ngành sản xuất muối. Số giờ nắng trong năm trung bình trên 2300 giờ, trong đó các tỉnh phía Nam từ Đà Nẵng trở vào đạt trên 2400 giờ, những tỉnh có nhiều diện tích muối như Ninh Thuận, Bình Thuận, Bạc Liêu, Trà Vinh đạt 2500 giờ. Với khí hậu nhiệt đới, Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn về sản xuất muối. Khắp các tỉnh ven biển từ Bắc vào Nam đã hình thành hàng trăm đồng muối nổi tiếng với năng suất trung bình trên 60 tấn /ha. Vựa muối Ninh Thuận, Bình Thuận lớn nhất nước có các đồng muối: Hòn Khói, Cà Ná, Vĩnh Hải, Quán Thử với hàng nghìn ha.

Đồng muối Quảng Nam, Quảng Ngãi có 4920 ha. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có 5300 ha đồng muối, năng suất trung bình đạt 75 tấn /ha, có nơi đạt 80 tấn/ha đến 100 tấn/ha. Các tỉnh có nhiều diện tích sản xuất muối là Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre. Tỉnh Bạc Liêu có đồng muối thuộc huyện Giá Rai, Ngọc Hiển nổi tiếng tồn tại hàng trăm năm với diện tích hàng trăm nghìn ha. Đồng muối Đông Hải, có 1359 ha, sản lượng năm 2004 đạt 71.400 tấn/năm, chất lượng muối thuộc loại cực tốt, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công nghiệp trong nước và xuất khẩu, trong đó nổi tiếng là đồng muối xã Long Điền Tây huyện Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh) có 1400 ha đồng muối, năng suất bình quân có năm đạt 150 tấn/ha sản lượng đạt 90.000 tấn/năm. Muối Cần Giờ có vị ngọt, không chát như các nơi khác nên rất thích hợp với ngành chế biến thực phẩm, được nhiều nước ký hợp đồng nhập khẩu. Năm 2004 muối Cần Giờ đã xuất khẩu 40.000 tấn sang Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản. Các tỉnh phía Bắc có các đồng muối lớn ở Thanh Hoá, Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Quảng Bình và một số tỉnh khác. Lao động làm nghề muối (diêm dân) cả nước có hàng trăm nghìn người. Từ bao đời nay diêm dân vùng ven biển này đã lấy nghề làm muối là ngành sản xuất chính, nuôi sống nhiều thế hệ và cung cấp sản phẩm muối

* Nguyễn Sinh Cúc, Phó giáo sư, Tiến sỹ, Hội Thống kê Việt Nam.

phục vụ nhu cầu tiêu dùng, công nghiệp chế biến trong và xuất khẩu đến nhiều nước châu Á.

Muối bao gồm muối thường (nguyên liệu sản xuất muối ăn), muối dùng cho sản xuất công nghiệp và muối ăn (muối iốt). Cơ cấu sản phẩm 2/3 do diêm dân sản xuất và 1/3 do các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty muối Việt Nam.

Vai trò của hạt muối trong cuộc sống con người có vị trí quan trọng không khác gì hạt gạo vì thiếu nó sự sống của con người và các sinh vật khác không thể tồn tại. Vì vậy, trong chuyện cổ tích ngày xưa dân gian thường ví “hạt muối quý hơn vàng”. Theo các nhà khoa học, trung bình mỗi người cần 5-6 kg muối ăn/năm. Như vậy với 87 triệu dân nước ta hiện nay (năm 2008) cần khoảng 520 nghìn tấn muối ăn/năm. Muối còn là nguyên liệu của nhiều ngành công nghiệp, có vị trí quan trọng trong chiến lược công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước với nhu cầu hàng triệu tấn/năm (mục tiêu năm 2010 là 2,5 triệu tấn trong đó muối công nghiệp là 1,5 triệu tấn). Chính vì vậy, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển sản xuất muối để đáp ứng yêu cầu của dân sinh và công nghiệp hoá tiến tới xuất khẩu mặt hàng này. Ngày 15/7/1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 153/1999/QĐ-TTg về một số chính sách phát triển ngành muối. Mới đây nhất, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 161/2007/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển ngành muối đến năm 2010 và 2020. Theo đó đến năm 2010, diện tích sản xuất muối là 14.500 ha, trong đó muối công nghiệp 6.000 ha, sản lượng muối công nghiệp đạt 1,5 triệu tấn, đến năm 2020 là 14.500 ha đất sản xuất muối nhưng dành 8.500 ha sản xuất muối công nghiệp. Các Quyết định đó đều nhấn mạnh vai trò, vị trí của ngành sản xuất muối trong nền kinh tế quốc dân và trách nhiệm của các Bộ ngành, địa phương trong tổ chức chỉ đạo sản xuất, chế biến muối với nhiều giải pháp khuyến khích sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối theo hướng kinh tế hàng hoá.

2. Thực trạng và nguyên nhân

Trong 22 năm đổi mới cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế, ngành muối nước ta cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của dân cư trong nước và có thừa để xuất khẩu. Song hạn chế, bất cập còn nhiều. Dưới đây là tình hình cụ thể những năm gần đây.

2.1. Những kết quả và tiến bộ

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong những năm qua tình hình sản xuất muối ở nước ta phát triển khá ổn định và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Diện tích muối được mở rộng và đầu tư cải tạo, nâng cấp so với các năm trước nên có năm diện tích các đồng muối tăng lên trên 12 nghìn ha. Sản lượng muối sản xuất tăng từ 500-600 nghìn tấn cuối thế kỷ trước, tăng lên 800 nghìn tấn, những năm gần đây, năm cao nhất, (năm 2007) đạt 926 nghìn tấn với diện tích 12.260 ha, năm 2008 ước đạt 900 nghìn tấn và 12445 ha.

Hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh muối đã bước đầu được kiện toàn từ trung ương đến địa phương và doanh nghiệp. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) chủ trì xây dựng kế hoạch, quy hoạch và chỉ đạo sản xuất tiêu thụ muối, phối hợp với Bộ Công thương tổ chức chế biến và tiêu thụ muối. Từ năm 2006, Bộ đã xây dựng quy hoạch 6.600 hecta (ha) đồng muối công nghiệp tại các tỉnh Duyên hải miền Trung và Đông Nam bộ, từng bước xây dựng thành các khu sản xuất muối công nghiệp. Đó là các đồng muối Hòn Khói, Tri Hải, Cà Ná, Đầm Vua, Vĩnh Hảo,... Đẩy mạnh xây dựng đồng muối công nghiệp Quán Thử với diện tích 12510 ha, công suất 302 nghìn tấn; Xây dựng thêm 4920 ha đồng muối công nghiệp tại Quảng Nam và Quảng Ngãi. Bộ NN&PTNT cũng đã xây dựng phương án mở rộng mô hình sản xuất muối sạch, muối công nghiệp với mục tiêu: Năm 2007 đạt 15 nghìn ha diện tích, sản lượng 1,2 triệu tấn nhằm khắc phục tình trạng cung thấp hơn cầu kéo dài trong nhiều năm; năm 2010 đạt 2,5 triệu tấn trong đó 1,5 triệu tấn cho ngành công nghiệp hoá chất, 500 nghìn tấn cho xuất

khẩu, còn lại cho nhu cầu muối ăn. Việc đầu tư mở rộng các đồng muối được triển khai theo hướng tập trung quy mô lớn để áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất, đầu tư chiều sâu nâng cao năng suất từ 140-160 tấn/ha, đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Bộ máy quản lý các hoạt động sản xuất và kinh doanh muối đã được Nhà nước củng cố, hoàn thiện. Ngày 23/5/1955 Chính phủ thành lập sở muối Trung ương, tiền thân của Tổng Công ty muối Việt Nam (1985).

Tổng Công ty muối Việt Nam (VISALCO) là doanh nghiệp Nhà nước điều hành các hoạt động sản xuất chế biến và tiêu thụ, xuất nhập, khẩu muối. Hiện nay VISALCO có 13 đơn vị thành viên, trong đó có 5 công ty 100% vốn nhà nước hạch toán độc lập, 3 đơn vị phụ thuộc, 25 nhà máy và cơ sở sản xuất muối iốt, 4 nhà máy sản xuất muối tinh iốt chất lượng cao theo công nghệ PHABA, 14 vùng kho dự trữ quốc gia mặt hàng muối. Cùng với củng cố hoàn thiện tổ chức, quản lý ngành muối, trong những năm qua, VISALCO với vai trò một doanh nghiệp nhà nước độc quyền kinh doanh mặt hàng thiết yếu cho đời sống và sản xuất công nghiệp, đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý, chiếm lĩnh thị trường trong nước và hội nhập quốc tế. Nhiều sản phẩm muối mới, đa dạng, chất lượng cao đã ra đời, phục vụ người tiêu dùng ra đời như muối sạch tự nhiên, muối hầm, muối chất lượng cao, bột canh các loại, nước mắm, xì dầu, nước tương các loại. Một số sản phẩm muối đã được xuất khẩu sang thị trường các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Lào, Campuchia, Myanmar và được khách hàng tín nhiệm.

Cùng với hoàn thiện tổ chức quản lý, Nhà nước đã đầu tư vốn ngân sách và khoa học công nghệ để hỗ trợ ngành muối, dù chưa nhiều. Phương pháp đầu tư bước đầu chuyển sang đầu tư chiều sâu, có trọng điểm nhằm nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng vùng muối, đồng muối và công nghiệp chế biến muối ăn.

Những năm gần đây nhiều địa phương ven biển đã chủ động đầu tư mở lại đồng muối sau một số năm không sản xuất do giá muối quá thấp. Mặt khác Nhà nước đã có biện pháp ổn định thị trường và giá cả, giá

muối tăng cao những tháng gần đây, nên diêm dân bước đầu đã yên tâm đầu tư và ổn định sản xuất.

2.2. Những bất cập hiện nay

Những kết quả và tiến bộ đạt được trong sản xuất, kinh doanh muối những năm qua là không đều, còn thấp xa so với tiềm năng và chưa vững. Thực trạng chung hiện nay là sản xuất chưa ổn định, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước và dự trữ quốc gia. Tình trạng cung thấp hơn cầu đã diễn ra trong nhiều năm nên Việt Nam liên tục phải nhập khẩu muối: năm 2000 nhập 500 nghìn tấn; từ năm 2003-2007, mỗi năm phải nhập khẩu bình quân 200 nghìn tấn muối công nghiệp. Nhận thức được thực trạng mất cân đối cung - cầu, từ năm 2000, Bộ NN&PTNT đã đầu tư 151,8 tỷ đồng để xây dựng đồng muối Quán Thê ở tỉnh Ninh Thuận, cực Nam Trung Bộ với diện tích 2500 ha, sản lượng dự tính đạt 300 nghìn tấn/năm. Sự bù đắp này là đáng kể nếu công trình đầu tư trọng điểm muối Quán Thê được thực hiện nghiêm túc. Rất tiếc, không rõ vì sao cho đến năm 2008, đồng muối này vẫn chưa cho thu hoạch sản phẩm nào. Năm 2007, diện tích các đồng muối và sản lượng muối sản xuất đều không đạt kế hoạch. Hậu quả là tình trạng thiếu muối diễn ra gay gắt về cả muối công nghiệp và muối ăn, kéo dài từ cuối năm 2007 đến cả năm 2008. Theo Tổ điều hành thị trường trong nước, tổng cung muối cả năm 2008 đạt khoảng 1,18 triệu tấn (sản xuất 900 nghìn tấn, tồn kho năm 2007 chuyển sang 50 nghìn tấn, nhập khẩu theo hạn ngạch 230 nghìn tấn) nhưng cầu lên tới 1,34 triệu tấn. Vì vậy Bộ công thương và Bộ NN&PTNT đang tiếp tục đề nghị Thủ tướng cho phép nhập khẩu thêm từ 150-200 nghìn tấn ngoài hạn ngạch, nâng mức nhập khẩu lên khoảng 400 nghìn tấn cả năm 2008. Tuy nhiên, theo dự báo của Tổng công ty muối Việt Nam thì lượng muối cần nhập khẩu cả năm lên tới 500 nghìn tấn cả muối công nghiệp và muối ăn, giá muối nhập 1600 đ/kg với kim ngạch 35 triệu USD. Đây thực sự là một nghịch lý trong sản xuất và kinh doanh muối chưa từng xảy ra trong hơn 50 năm qua của ngành muối. Theo ông Phạm Năng

Phong, Phó tổng giám đốc Tổng công ty muối Việt Nam, tình trạng thiếu muối thậm chí sốt muối bắt đầu từ cuối năm 2007 tại các đồng muối miền Bắc. Vào thời điểm tháng 9/2007, giá muối thô dao động từ 420.000-430.000 đồng/tấn nhưng đến giữa tháng 12/2007 giá muối đã lên 1,3 triệu đồng/tấn. Đầu năm 2008, giá muối thu mua đạt 1,550 triệu đồng/ tấn tăng gấp 3 lần so cùng kỳ năm 2007 nhưng diêm dân không có muối để bán. Tình hình đó buộc Chính phủ phải quyết định xuất kho dự trữ 30 tấn muối ăn phục vụ dân sinh, làm giảm nguồn muối dự trữ quốc gia. Nguồn muối kế hoạch dành cho dự trữ quốc gia năm 2008 chỉ còn 5000 tấn với số tiền 4000 triệu đồng giảm 3000 nghìn tấn và 1600 triệu đồng so với thực hiện năm 2007 (*Nguồn Dự thảo kế hoạch phát triển ngành NN&PTNT năm 2008, Bộ NN&PTNT năm 2007, trang 95*). Trước tình trạng thiếu muối nghiêm trọng và giá cả tăng cao nhưng không có muối để mua, giám đốc Công ty muối Ninh Thuận, ông Dũng thừa nhận "Làm gì còn muối mà xuất, trong kho hết sạch rồi". Những vụ trước, công ty của ông thường xuất những mối lớn lên tới vài chục nghìn tấn cho mỗi thương vụ, chưa từng lâm vào cảnh đơn đặt hàng nhiều nhưng không có muối để bán như năm nay. Giám đốc Công ty cổ phần muối Thanh Hoá, một trong những nhà sản xuất, chế biến muối chính khu vực phía Bắc, ông Thiện cũng than thở: "Hết rồi, như mọi năm, hiện giờ đang là đại vụ muối của miền Bắc, chỉ sợ không đủ tiền và không đủ sức mua. Nhưng năm nay (năm 2008) thì mua bao nhiêu bán ra bấy nhiêu, mua và bán khít nhau, không có để dự trữ. "Vì vậy mới đây, Bộ NN&PTNT phải tính phương án nhập khẩu, bên cạnh muối công nghiệp, phải cấp hạn ngạch nhập khẩu 40 nghìn tấn muối ăn trong những tháng cuối năm 2008. Và chắc chắn con số này còn tăng lên vì hiện nay mùa mưa bão đang đến, lượng muối sản xuất không tăng so với các tháng đầu và giữa năm. Nguồn muối nhập khẩu chủ yếu từ Ấn Độ, Úc với mức giá cao hơn mức giá muối trong nước. Theo ông Phạm Năng Phong, Tổng công ty muối Việt Nam hoàn

toàn đồng tình với chủ trương nhập khẩu muối ăn của Bộ NN&PTNT. Tuy nhiên về mặt kinh tế giải pháp này chỉ có tính tạm thời vì hệ lụy của nó là rất lớn. Nếu đánh giá không chính xác thực trạng và nguyên nhân thiếu muối trong nước, dẫn đến nhập khẩu nhiều, thậm chí dư thừa sẽ bóp chết sản xuất trong nước, giá cả lại giảm và đứng ở mức thấp như năm 2006 về trước. Nhưng nếu thiếu thật thì dù mạo hiểm nhưng vẫn phải nhập. Đó là bài toán khó cần được các Bộ ngành liên quan nghiên cứu và xử lý theo các phương án hiệu quả nhất có lợi cho Nhà nước và cho diêm dân và doanh nghiệp kinh doanh muối.

Thiếu muối, lần đầu tiên Việt Nam phải nhập khẩu muối ăn là bất cập và cũng là nhược điểm lớn của ngành muối và các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương về quản lý kinh tế, nhất là qui hoạch, kế hoạch, đầu tư, dự báo thị trường, tổ chức sản xuất và ban hành các chính sách và cơ chế khuyến khích, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hỗ trợ ngành muối và diêm dân.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều. Về khách quan thời tiết không thuận lợi, mưa bão nhiều kéo dài ở các tỉnh ven biển, nhất là Duyên hải Nam Trung bộ, nơi có nhiều đồng muối lớn. Về chủ quan: Quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách và đầu tư cho ngành muối chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng ngành muối cũng như yêu cầu của nền kinh tế quốc dân về mặt hàng chiến lược này. Nhược điểm rõ nhất là đầu tư của Nhà nước cho ngành muối quá ít, cơ sở hạ tầng ngành muối quá nghèo nàn, công cụ sản xuất thô sơ, sản xuất chưa gắn với chế biến và tiêu thụ. Công nghiệp chế biến muối phát triển chậm, sản phẩm muối chưa được nằm trong danh mục các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của cả Trung ương và địa phương. Trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các tỉnh ven biển chưa có chỉ tiêu phản ánh sản xuất, chế biến và tiêu thụ, giá cả muối hàng tháng, hàng quý và cả năm. Thông tin định lượng về muối rất thiếu nên gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý,

điều hành của Chính phủ. Các thông tin về thu nhập và đời sống của diêm dân chưa được các ngành các cấp quan tâm đúng mức. Thực tế là trong nhiều năm trước đây khi giá muối thấp, tiêu thụ khó khăn, tồn khá lớn, thu nhập và đời sống của diêm dân giảm sút, dẫn đến một bộ phận bỏ nghề, bỏ diện tích đồng muối hoặc chuyển đất muối sang nuôi trồng thủy sản. Tại tỉnh Bạc Liêu, diện tích các đồng muối năm 2008 chỉ còn gần bằng 50% thời điểm tách tỉnh Minh Hải. Tại xã Hải Lộc, huyện Hải Lộc, Thanh Hoá có 3 làng muối với diện tích 63 ha nhưng do giá muối thấp 270đ/kg nên chuyển một nửa sang nuôi trồng thủy sản, lao động làm muối giảm 50% so với trước. Diêm dân không mặn mà với nghề muối, lãnh đạo nhiều địa phương cũng không quan tâm, thậm chí quay lưng lại với nghề muối. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận đang dự kiến biến đồng muối Cà Ná sản lượng 50.000 tấn/năm thành khu công nghiệp của tỉnh. Tương tự, UBND tỉnh Ninh Thuận cuối năm 2007 thay đổi quy hoạch, chuyển 500 ha đồng muối Cánh Lát, ra đời các dây 70 năm, cho công ty Vinasin. Những năm gần đây tuy giá muối đã tăng lên, tình hình tiêu thụ ổn định nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật để thâm canh, bảo quản, bảo vệ và chế biến lạc hậu nên chưa đủ sức để phát triển ổn định trong mọi điều kiện của thời tiết. Nhìn chung cho đến nay, diêm dân chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích do giá cả biến động bất lợi cho người sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ ngành muối chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng. Bằng chứng cụ thể là đầu tư mở rộng đồng muối lớn Quán Thử không đạt kế hoạch, năm 2007 mới xong khâu giải phóng mặt bằng và mới đây một phần dự án trọng điểm này phải chuyển giao từ Tổng công ty muối Việt Nam cho Công ty Hạ Long thực hiện. Nhược điểm này trước hết và chủ yếu thuộc về trách nhiệm của Tổng công ty muối Việt Nam trong việc quản lý, thực hiện dự án đầu tư. Thêm vào đó, sự quan tâm của các Bộ ngành liên quan trong việc tổ chức chỉ đạo và xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến và kinh doanh muối chưa tương xứng. Mô

hình sản xuất muối sạch chưa được đầu tư để mở rộng sản xuất. Đầu tư ngắn hạn đã ít cả về dự án và vốn ngân sách nhưng đầu tư dài hạn cho ngành muối lại chưa được quan tâm đúng mức. Đáng suy nghĩ là trong danh mục dự án đầu tư nhóm A giai đoạn 2006-2010 bằng vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn ODA) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) dành cho Bộ NN&PTNT có 18 dự án với tổng số vốn lên tới 65.167 tỷ đồng nhưng tuyệt nhiên không có dự án nào cho nghề muối. (Nguồn: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, Bộ KH&ĐT, năm 2006, trang 254). Bên cạnh đó đối với các cơ chế, chính sách khuyến khích sản xuất muối nói chung, thị trường giá cả và hình thức tiêu thụ muối nói riêng thì vai trò của Nhà nước đối với ngành muối còn mờ nhạt. Các chính sách khuyến khích sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối còn nhiều bất cập, thiếu tính hệ thống và ít được kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành muối chưa được các ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất. Phải chăng, ngành muối và người làm muối chưa được quan tâm đúng mức trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách cũng như đầu tư và tổ chức chỉ đạo của nhiều ngành nhiều cấp. Điều kiện sản xuất, môi trường sinh thái, công cụ sản xuất và thu nhập đời sống của diêm dân và các doanh nghiệp sản xuất chế biến, tiêu thụ thị trường giá cả muối ăn, muối công nghiệp, ... chưa được các ngành các cấp quan tâm đầy đủ.

3. Giải pháp

Đã đến lúc phải đổi mới về nhận thức bằng những quyết sách và giải pháp thỏa đáng đối với ngành muối và người làm muối.

Giải quyết bài toán về ngành muối cần có hệ thống các giải pháp đồng bộ từ kỹ thuật, kinh tế, xã hội môi trường liên quan đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ thị trường, giá cả, tâm sinh lý diêm dân... Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ xin đề xuất một số giải pháp về quản lý kinh tế, tài chính đối với ngành muối, doanh nghiệp trong nghề muối và diêm dân nhằm góp phần phát huy thế mạnh, kết quả đã đạt được, khắc phục các mặt hạn chế, bất cập hiện nay.

- Các Bộ ngành liên quan khẩn trương nghiên cứu bổ sung hoàn thiện quy hoạch ngành tổng thể ngành muối nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu theo hướng ổn định bền vững, lâu dài, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể ngành muối, các Bộ ngành liên quan và các địa phương có đồng muối cần rà soát, bổ sung các chính sách, cơ chế hỗ trợ diêm dân và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm muối bằng các giải pháp kinh tế - tài chính cụ thể.

- Tăng cường đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho ngành muối bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng đê, cống, công trình thủy lợi đầu mối, đường giao thông và đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ xây dựng trường học, trạm xá, điện và nước sạch phục vụ diêm dân, các đồng muối sản xuất công nghiệp, hệ thống kho tàng bảo quản muối, cơ sở chế biến muối, chế biến thạch cao, nước ớt, sản xuất muối ăn. Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính cần tìm các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, liên doanh phát triển công nghiệp chế biến muối và các đồng muối công nghiệp qui mô lớn đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Thu hút các dự án FDI và sử dụng vốn ODA vào lĩnh vực chế biến và kinh doanh muối công nghiệp.

- Bổ sung, sửa đổi một số chính sách liên quan đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ, thị trường, giá cả muối và đảm bảo thu nhập đời sống của diêm dân theo hướng thực hiện bỏ toàn bộ các loại thuế sử dụng đất đối với đất ruộng muối, thủy lợi phí và các khoản lệ phí đối với diêm dân. Đưa muối ăn, muối nguyên liệu, muối công nghiệp vào đối tượng tính thuế giá trị gia tăng và mức thuế suất bằng 0%.

- Khuyến khích các doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vào sản xuất và chế biến muối. Nhà nước cần dành vốn ngân sách hỗ trợ diêm dân trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào

ngành muối, đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý nghề muối, tổ chức hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến thương vào các vùng sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối. Có cơ chế chính sách bình ổn giá muối để diêm dân, các doanh nghiệp yên tâm đầu tư ổn định, mở rộng diện tích, thâm canh sản xuất, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ muối theo hướng bền vững, lâu dài.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin về ngành muối, bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch, đầu tư sản xuất, tiêu thụ, xuất, nhập khẩu, giá cả mặt hàng muối vào danh mục các sản phẩm được thu thập, tính toán và công bố hàng tháng, quý, năm của cả nước và các tỉnh có sản xuất, chế biến muối ăn, muối công nghiệp. Tổ chức điều tra khảo sát chuyên sâu về thực trạng ngành muối và người làm muối để có thông tin chính xác, đầy đủ, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, kế hoạch và dự báo ngành này. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các chỉ tiêu thống kê liên quan đến ngành muối, sản phẩm muối và người làm muối cả nước, từng vùng và địa phương trọng điểm. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, dự báo xu hướng sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất nhập khẩu muối công nghiệp trong từng năm, từng kỳ kế hoạch 5 năm, 10 năm theo hệ thống chỉ tiêu định lượng cụ thể. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các Bản tin "Vietnam National salt corporation".
- Báo Nông nghiệp Việt Nam.
- Báo Nhân dân số 3/7/08 và các số liên quan.
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Kế hoạch phát triển Nông nghiệp và kinh tế nông thôn 2006-2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Kế hoạch phát triển ngành NN&PTNT năm 2008, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 8/2007.
- Niên giám Thống kê 2001-2007.
- Quyết định 161/2007/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sản xuất muối đến năm 2010.
- Thời báo Kinh tế Việt Nam